**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng** |
|  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |  |
| ***Số CH*** | ***Thời gian******(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian*** ***(phút)*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **A. Địa lí công nghiệp** | **A.**1.Vai trò, đặc điểm của công nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.**A.**2. Địa lí ngành công nghiệp.**A.**3. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | **14** | 10.5 | **10** | 12.5 | **1(a, b\*)** | 10.0 | **1\*\*** | 8.0 | **24** | 1 | 31 | 70 |
| **2** | **B. Kĩ năng** | **B.** Kĩ năng sử dụng bản đồ, Atlat; làm việc với bảng số liệu và biểu đồ. | **2** | 1,5 | **2** | 2.5 | **1(a, b\*)** | 10.0 |  |  | **4** | 1 | 14 | 30 |
| **Tổng** | **16** | 12.0 | **12** | 15.0 | **1** | 10.0 | **1** | 8.0 | **28** | **2** | 45.0 | 100 |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | **40** | **30** | **20** | **10** | **70** | **30** |  |  |
| **Tỉ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |  |  |

**Lưu ý**:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- (b\* ) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**.3 hoặc **B.**

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**.3**.**

- Mỗi câu hỏi tự luận gồm 02 ý (a,b).

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A. Địa lí công nghiệp** | **A.**1.Vai trò, đặc điểm của công nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.**A.**2. Địa lí ngành công nghiệp**A.**3. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công |  **Nhận biết:**- Trình bày được được vai trò và đặc điểm chung của sản xuất công nghiệp.- Trình bày được vai trò một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:+ Công nghiệp năng lượng.+ Công nghiệp cơ khí.+ Công nghiệp điện tử - tin học.+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.+ Công nghiệp thực phẩm.- Trình bày được đặc điểm một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:+ Công nghiệp năng lượng.+ Công nghiệp cơ khí.+ Công nghiệp điện tử - tin học.+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.+ Công nghiệp thực phẩm.- Trình bày được sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:+ Công nghiệp năng lượng.+ Công nghiệp cơ khí.+ Công nghiệp điện tử - tin học.+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.+ Công nghiệp thực phẩm. |  **14** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp:+ Vị trí địa lí.+ Tự nhiên ( khoáng sản, khí hậu – nguồn nước, đất, rừng, biển).+ Kinh tế - xã hội ( dân cư – lao động, tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thị trường, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật, đường lối chính sách).- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp:+ Điểm công nghiệp.+ Khu công nghiệp.+ Trung tâm công nghiệp.+ Vùng công nghiệp. |  | **10** |  |  |
| **Vận dụng:**- Giải thích được sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới. |  |  | **b\*** |  |
| **Vận dụng cao:**- Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam. |  |  |  | **1\*\*** |
| **2** | **B. KĨ NĂNG** | **B.** Kĩ năng sử dụng bản đồ, Atlat; làm việc với bảng số liệu và biểu đồ | - Sử dụng bản đồ để trình bày và giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới. - Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ; phân tích số liệu thống kê về một số ngành công nghiệp trên thế giới. | **2** | **2** | **1(a,b\*)** | **0** |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ** **nhận thức** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chon, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là câu hỏi tự luận. Mỗi câu gồm 2 ý a và b.

- Số điểm tính cho mỗi câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- (b\* ) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3.

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3 hoặc **B.**

- Mỗi câu hỏi tự luận gồm 02 ý (a,b).